



1-36

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kinh tế thương mại

chẵn/lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	01	1	4,8	01	Anh	lẻ
2	000002	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	01	2	5,3	01	Anh	chẵn
3	000003	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	01	3	7,8	01	Anh	lẻ
4	000004	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	01	4	2,5	01	Bộ	chẵn
5	000005	1101080510	Phạm Hải	Đăng	23/02/2005	TM11A	01	5	3,3	01	Đăng	lẻ
6	000006	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	01	6	3,0	01	Duyên	chẵn
7	000007	1101081101	Lều Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	01	7	6,3	01	Hà	lẻ
8	000008	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	01	8	8,5	01	Hà	chẵn
9	000009	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	01	9	4,0	01	Hằng	lẻ
10	000010	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	01	10	2,3	01	Hiếu	chẵn
11	000011	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	01	11	2,0	01	Huyền	lẻ
12	000012	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01	12	0,8	01	Huyền	chẵn
13	000013	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	01	13	2,8	01	Lan	lẻ
14	000014	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	01	14	6,0	01	Linh	chẵn
15	000015	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	01	15	4,5	01	Linh	lẻ
16	000016	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	01	16	5,0	01	Linh	chẵn
17	000017	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	01	17	7,5	01	Linh	lẻ
18	000018	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh Linh		28/08/2005	TM11A	01	18	5,8	01	Khánh Linh	chẵn
19	000019	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	01	19	4,5	01	Linh	lẻ
20	000020	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	01	20	2,0	01	Linh	HP chẵn
21	000021	1101081107	Vũ Mạnh	Lương	22/08/2005	TM11A	01					HP.DK
22	000022	1101080409	Hoàng Trung	Lưu	07/05/2004	TM11A	01					HP.DK
23	000023	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	01	21	6,3	01	Lý	lẻ
24	000024	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	01	22	2,8	01	Mai	chẵn
25	000025	1101081111	Nguyễn Thanh	Quang	30/12/2004	TM11A	01					HP.DK
26	000026	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	01	23	4,3	01	Quỳnh	chẵn
27	000027	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	01	24	6,3	01	Quỳnh	lẻ
28	000028	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01	25	7,3	01	Thái	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	01	26	2,8	01		le'
30	000030	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01	27	4,5	1	thuy	le'
31	000031	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	01	28	4,0	1	Tôi	le'
32	000032	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	01	29	9,3	1	trng	clan
33	000033	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	01	30	2,8	1	trng	le'
34	000034	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	01	31	5,5	1	Trung	chăn
35	000035	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	01	32	2,5	1	tuân	le'
36	000036	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	01	33	2,8	1	Yên	chăn
37	000037	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	01	34	4,5	1	ly	HP đã ck
38	000038	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	01	35	4,3	1	Ngọc	HP đã ck
39	000039	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	01	36	4,5	1	Yên	le'

Tổng số sinh viên dự thi: ...36...

Tổng số tờ giấy thi: ...36....

Tổng số biên bản: ...03....

Ngày 25. tháng 06. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Bình

Vũ Phi Hằng